

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 11-01-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Tấn Nghị.

Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường – Thư ký Tòa án.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm 2000. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Ông Châu Văn K, sinh năm 1992. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị K và ông Châu Văn K tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2020 tại UBND xã H. Theo bà K trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì ông K ăn chơi, nợ nần; có hành vi bạo lực đánh bà K. Bà K đã cắt đứt quan hệ vợ chồng, từ tháng 9/2022 đến nay không còn chung sống với ông K; hiện bà K không còn tình cảm, không thể chung sống có hạnh phúc được nữa nên yêu cầu giải quyết ly hôn ông K. Theo ông K trình bày: Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì ông K làm ăn thua lỗ làm mất lòng tin nhau.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên là Châu Quang K – sinh ngày 17/9/2021 hiện đang sống cùng bà K. Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con

Về tài sản chung:

Theo bà K trình bày, sau khi cưới vợ chồng bán vàng cưới được 100.000.000 đồng, ông K trả nợ riêng 10.000.000 đồng, còn lại vợ chồng gửi tiết kiệm. Sau đó, bà K rút tiền giao cho ông K sử dụng toàn bộ số tiền này, nhưng ông K không nói cho bà K biết sử dụng tiền làm gì. Bà yêu cầu chia đôi tài sản này. Ngoài ra, sau khi cưới nhau bà K có trả nợ mua tivi thay cho ông K 10.000.000 đồng nên yêu cầu ông K trả lại tiền này. Đối với số tiền ông K trình bày cho mẹ vợ vay, bà K thừa nhận mẹ bà K đã trả lại nhưng đã chi tiêu nuôi con hết 5.000.000 đồng.

Theo ông K trình bày thừa nhận tài sản chung đúng như bà K trình bày, ngoài ra có 25.000.000 đồng cho mẹ vợ vay, hiện bà K đang giữ. Đối với số tiền 100.000.000 đồng ông đã đầu tư làm ăn thua lỗ hết, việc này có nói cho bà K biết nên không đồng ý chia; đối với tiền mua tivi thì có nói rõ mua để sử dụng chung nên không đồng ý trả lại.

Tại phiên tòa, bà K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông K đồng ý ly hôn, đồng ý việc bà K yêu cầu trực tiếp nuôi con, không đồng ý yêu cầu về chia tài sản chung của bà K.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị K nộp đơn khởi kiện ngày 31/10/2022, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Châu Văn K có nơi cư trú tại xã H, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà Phạm Thị K và ông Châu Văn K có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, các bên đồng ý ly hôn nên Tòa án ghi nhận, bà Phạm Thị K được ly hôn ông Châu Văn K.

[3] Về nuôi con chung: Bà K và ông K có một người con chung tên là Châu Quang K – sinh ngày 17/9/2021 hiện đang sống cùng bà K. Tại phiên tòa, các bên thống nhất bà K được nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa án ghi nhận, bà K không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Căn cứ lời trình bày của các bên tại phiên tòa, HĐXX xác định vợ chồng có khối tài sản chung là 120.000.000 đồng gồm

100.000.000 đồng tiền bán vàng cưới ông K giữ và 20.000.000 đồng do mẹ bà K trả (đã trừ 5.000.000 đồng tiền bà K chi tiêu nuôi con chung). Tài sản này được chia đôi, mỗi người 60.000.000 đồng, bà K đang giữ 20.000.000 đồng nên ông K có nghĩa vụ trả cho bà K 40.000.000 đồng. Đối với yêu cầu trả 10.000.000 đồng (tiền trả nợ mua tivi) của bà K thì đây là chi tiêu chung trong thời kỳ hôn nhân, Tòa án không chấp nhận vì không có căn cứ. Đối với lời trình bày của ông K việc đầu tư làm ăn thua lỗ hết 100.000.000 đồng, Tòa án không chấp nhận vì không có căn cứ.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí HNGĐST, án phí DSST về chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị K được ly hôn ông Châu Văn K.
2. Về nuôi con chung: Sau khi ly hôn, giao con chung tên là Châu Quang K – sinh ngày 17/9/2021 cho bà Phạm Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Châu Văn K được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có đơn yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Xác định khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng là 120.000.000 đồng, mỗi người được nhận một phần hai giá trị. Ông Châu Văn K đang giữ 100.000.000 đồng, bà Phạm Thị K giữ 20.000.000 đồng. Do đó, buộc ông Châu Văn K có nghĩa vụ trả cho bà K 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng về khoản nghĩa vụ do chia tài sản chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bà Phạm Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005891 ngày 11/11/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Ông Châu Văn K và bà Phạm Thị K mỗi người phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí DSST về chia tài sản chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND H (ĐKKH số 25/2020);
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Vinh